CÔNG TY CỔ PHẦN **NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH** ***QUANG NINH MINERAL*** ***WATER CORPORATION*** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** *Independence - Freedom - Happiness* ----------
Số: .10./2026/CBTT-QHW	*Quảng Ninh, ngày .10 tháng .3. năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/** ***The State Securities Commission***
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/ ***Ha Noi Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/*Name of organization:* **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH/** ***QUANG NINH MINERAL WATER CORPORATION***

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:* QHW

- Địa chỉ/*Address:* Tổ 3A, Khu 4, phố Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/*Group 3A, Zone 4, Suoi Mo Street, Bai Chay Ward, Quang Ninh Province, Vietnam*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* 0203.3846799 Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

- Báo cáo thường niên năm 2025/*2025 Annual Report.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/.3./2026 tại đường dẫn https://nuockhoangquangninh.com.vn/co-dong/cong-bo-thong-tin//*This information was published on the Company's website on 10/..3./2026, as in the link https://nuockhoangquangninh.com.vn/co-dong/cong-bo-thong-tin/.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents: Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố *Documents on disclosed information.*	**Đại diện tổ chức** ***Organization representative*** Người đại diện theo pháp luật/*Legal representative/* CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH **NGUYỄN THIÊU NAM**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH
DN: C=VN, S=QUẢNG NINH, L=Phường Bãi Cháy, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5700379618
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.20 22:45:37+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH
Năm 2025

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG 2
1. Thông tin khái quát 2
2. Quá trình hình thành và phát triển 2
3. Ngành nghề kinh doanh 3
4. Hệ thống phân phối hàng hóa 4
5. Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh 4
6. Sản phẩm của Công ty 5
7. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 5
8. Định hướng phát triển của Công ty 5
9. Các rủi ro: 6

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025 7
1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 7
2. Tổ chức và nhân sự: 10
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: 12
4. Tình hình tài chính 12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty: 15

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC: 16
1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025 16
2. Hoạt động của Ban điều hành năm 2025 17
3. Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2026 17

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 18
1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2025 18
2. Mục tiêu và kế hoạch cần thực hiện trong năm 2026: 18

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY: 18
1. Hội đồng Quản trị: 18
2. Ủy ban kiểm toán: 21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc: 22

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025 ĐƯỢC KIỂM TOÁN: 24

CÔNG TY CỔ PHẦN **NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 03/2026/BC-QHW	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2026*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Năm 2025)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/9/2004, cập nhật thay đổi từng thời điểm.

Tên tiếng Anh	: QUANG NINH MINERAL WATER CORPORATION
Tên viết tắt	: QNWCORP
Vốn điều lệ	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Vốn đầu tư chủ sở hữu	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Trụ sở chính	: Tổ 3A, Khu 4, Phố Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại	: 0203.3844.196 - 0203.3846.799
Website	: https://www.nuockhoangquangninh.com.vn
Logo	:
Người đại diện pháp luật	: Ông Nguyễn Thiều Nam – Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Mã cổ phiếu	: QHW

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Nước khoáng Quảng Ninh, được thành lập ngày 17/7/1989 theo Quyết định số 381/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 1993: Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được sáp nhập vào Công ty Duyên Hải Quảng Ninh theo Quyết định số 1396/QĐ-UB ngày 15/7/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và trở thành một đơn vị thành viên của Công ty Duyên Hải Quảng Ninh trực thuộc Văn Phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2002: Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được tách ra và đổi tên thành Công ty Nước khoáng Quảng Ninh theo Quyết định số 463/QĐ-UB ngày 28/1/2002 và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.

- Năm 2004: Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Nước khoáng Quảng Ninh theo Quyết định số 2492/QĐ-UB ngày 26/7/2004 và trực thuộc văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2006: Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng Quảng Ninh được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh theo Quyết định số 32 – QĐ/VPTU ngày 10/01/2006 của Văn phòng Tỉnh Ủy Quảng Ninh.
- Ngày 19/10/2015: Tỉnh ủy Quảng Ninh phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Nước khoáng và Thương mại, Dịch vụ Quảng Ninh thành công ty cổ phần tại Quyết định số 03-QĐ-TU. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).
- Ngày 02/12/2015: Công ty đã phối hợp với CTCP Chứng khoán Bản Việt thực hiện bán đấu giá công khai thành công 159.100 cổ phần (chiếm 1,99% vốn điều lệ) tại CTCP Chứng khoán Bản Việt (do tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng) với giá khởi điểm 11.100 đồng/cổ phần. Giá đấu thành công cao nhất: 13.500 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất: 11.100 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân: 11.421 đồng/cổ phần.
- Ngày 22/12/2015: Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần vào ngày 25/12/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 80 tỷ đồng.
- Ngày 22/12/2016: Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết ("UPCOM") tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Ngành nghề kinh doanh

STT	TÊN NGÀNH
1.	***Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (ngành nghề chính)***
2.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3.	Bán buôn đồ uống
4.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
5.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
6.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

4. Hệ thống phân phối hàng hóa



- Bằng việc luôn nâng cao chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản lý tiên tiến, sản phẩm của Công ty hiện được tiêu thụ chính tại thị trường nội địa khu vực miền Bắc thông qua hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty được tích hợp vào mạng lưới phân phối đồ uống rộng lớn của Tập đoàn Masan.
- Tính đến thời điểm báo cáo, hệ thống phân phối hàng hóa của Tập đoàn Masan là một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam với các trung tâm phân phối hàng hóa khắp các tỉnh thành trên toàn quốc; với hơn 16 trung tâm phân phối đảm bảo phân phối hàng hóa ;trên toàn quốc, với khoản 500.000 điểm bán lẻ truyền thống; 10.200 điểm bán lẻ hiện đại; kênh thương mại điện tử của hợp tác với số lượng 20.000 - 25.000 đối tác Affiliate trên khắp cả nước, tạo ra hơn 120.000 nội dung quảng bá, giới thiệu và kinh doanh các sản phẩm thuộc hệ sinh thái Tập đoàn Masan. Bên cạnh đó, Tập đoàn Masan hiện đang sở hữu mạng lưới gần 4.000 cửa hàng minimart và siêu thị thuộc hệ thống WinCommerce phủ rộng khắp Việt Nam.
- Hiện Công ty chưa thực hiện hoạt động xuất khẩu sản phẩm.

5. Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Tên nhà máy/cơ sở sản xuất	Diện tích đất sử dụng (m^2)	Diện tích nhà (m^2)	Mục đích sử dụng đất
1.	Văn phòng Công ty: Tổ 3A, khu 4, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh *(trụ sở chính)*	2.856,1	2.209,4	Trụ sở làm việc văn phòng Công ty
2.	Phân xưởng Suối Mơ – Khu 8, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	2.855	2.170	Phân xưởng sản xuất Suối Mơ
3.	Khu giếng khoan Suối Mơ – Khu 8, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	360	-	Khu giếng khoan
4.	Tuyến ống dẫn nước Suối Mơ – Khu 8, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	1.160	-	Tuyến ống dẫn nước
5.	Phân xưởng Quang Hanh – Tổ 5, Khu 4B, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	2.001	2.001	Phân xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh
6.	Khu phụ trợ sản xuất phân xưởng Quang Hanh - Tổ 3, Khu 4A, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	5.176,6	1.008	Nhà xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh
	Tổng cộng	**14.408,7**	**7.515,9**	

6. Sản phẩm của Công ty

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh chủ yếu sản xuất và kinh doanh nước khoáng được khai thác từ nguồn suối khoáng tại Quảng Ninh. Hai sản phẩm sản xuất chính bao gồm:



Tên sản phẩm: Nước uống chứa khoáng thiên nhiên Faith có ga

Quy cách đóng gói: chai nhựa 355ml

Nước khoáng được bổ sung các yếu tố vi lượng cung cấp một số khoáng chất cần thiết cho cơ thể, vị chanh muối dễ uống.



Tên sản phẩm: Nước uống đóng chai Suối Mơ – loại Bình 18.9L

Quy cách đóng gói: bình 18,9 lít.

Gồm loại bình có van mở tiện lợi để dùng cho gia đình và loại bình không có vòi rót dùng cho máy nóng lạnh chuyên dùng.

7. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị (bao gồm Ủy ban Kiểm toán) và Tổng Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
  - Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Công ty có cơ cấu gồm các phòng ban chuyên môn và 02 phân xưởng sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại và tương lai.
  - Hội đồng Quản trị quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 06 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm, nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị từ năm 2025 đến năm 2030.
  - Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

8. Định hướng phát triển của Công ty

- **Kế hoạch tổ chức thị trường**

- Giữ vững và ổn định các khu vực thị trường truyền thống, từng bước hoàn thiện hệ thống phân phối phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và xu thế thị trường.
- Công ty đặt ra mục tiêu xây dựng kế hoạch phát triển mở rộng thị trường từ Đà Nẵng trở vào, đây là những vùng thị trường với đặc điểm khí hậu có thời tiết nắng nóng quanh năm, có tiềm năng rất cao trong việc tiêu thụ các sản phẩm từ nguồn nước khoáng Quang Hanh, tạo điều kiện duy trì công tác sản xuất liên tục cho Công ty trong những tháng mùa đông.

Kế hoạch về sản phẩm

➢ *Đối với các sản phẩm truyền thống*

- Thực hiện cải tiến, nâng cấp mẫu mã bao bì, chất lượng các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu khối khách hàng sẵn có.
- Duy trì những sản phẩm truyền thống chủ đạo, nhằm giữ vững thương hiệu và tính chất đặc thù riêng có của nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh, làm cơ sở giữ vững niềm tin của người tiêu dùng, từ đó Công ty phát triển các sản phẩm mới có tính kế thừa từ các nguồn nước khoáng sẵn có mà Công ty đang quản lý khai thác.

➢ *Đối với công tác phát triển sản phẩm mới*

- Việc được quản lý khai thác và sản xuất các loại nước khoáng thiên nhiên từ nguồn nước khoáng có hàm lượng khoáng hóa cao Quang Hanh là một lợi thế riêng có của Công ty. Đây cũng là điều kiện đủ quan trọng nhất để Công ty tập trung nghiên cứu sản xuất thêm các sản phẩm mới có giá trị thương mại cao.
- Sản phẩm mới sẽ được phát triển trên cơ sở đánh giá phân khúc khách hàng, theo thị trường tiêu thụ nhưng phải đảm bảo được yếu tố đặc thù riêng có của từng nguồn nước khoáng thiên nhiên mà Công ty đang quản lý khai thác.

Kế hoạch về tài chính

- Tối ưu các chính sách về vốn cũng như các ưu đãi khác của địa phương trong lĩnh vực đầu tư, phát triển sản phẩm.
- Tăng vòng quay vốn thông qua việc cải thiện, tự động hóa quy trình sản xuất, tiết giảm chi phí. Phấn đấu tăng vòng quay vốn đầu tư cho bao bì luân chuyển thông qua công tác quản lý thu hồi và sử dụng bao bì luân chuyển để sử dụng tối ưu nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đa dạng hóa các phương thức thanh toán linh hoạt đối với các nhà cung cấp, tận dụng tốt nhất khả năng có thể đối với nguồn vốn vật tư thông qua các nhà cung cấp nhưng vẫn đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty, tập trung cho công tác mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

9. Các rủi ro:

- **Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào:** giá nguyên liệu đầu vào biến động tăng làm ảnh hưởng đến chính sách giá bán của Công ty.
- **Rủi ro cạnh tranh:** thị trường nước giải khát là thị trường rất nhiều tiềm năng do đó tạo nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành: vừa phải cung cấp được sản phẩm an toàn thực phẩm, chất lượng vừa phải có giá bán hợp lý để thu hút người tiêu dùng. Điều này khiến việc giữ và phát triển thị trường ngày càng khó khăn hơn.

- **Rủi ro bất khả kháng:** Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, cháy nổ, là những rủi ro bất khả kháng và nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về con người, về tài sản và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho người lao động; bảo hiểm về tài sản, nhà xưởng; lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025

a) Năm 2025, dù nền kinh tế trong nước khó khăn và sự cạnh tranh khốc liệt của ngành hàng đồ uống, bằng tất cả nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể người lao động, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch (mức thấp) đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; trong đó doanh thu đạt và vượt kế hoạch, lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức tăng trưởng so với năm 2024, cụ thể như sau:

- **Doanh thu thuần: 212 tỷ đồng**, bằng 93% so với năm 2024 và đạt 101% so với kế hoạch năm 2025 (mức thấp).
- **Lợi nhuận sau thuế TNDN: 37 tỷ đồng**, bằng 102% so với năm 2024 và đạt 98% so với kế hoạch năm 2025 (mức thấp).

SO SÁNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 SO VỚI KẾ HOẠCH 2025

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (mức thấp) Tỷ đồng	Thực hiện năm 2025 Tỷ đồng	Tăng/ (giảm) Tỷ đồng	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu thuần	210	212	2	101%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	38	37	(1)	98%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

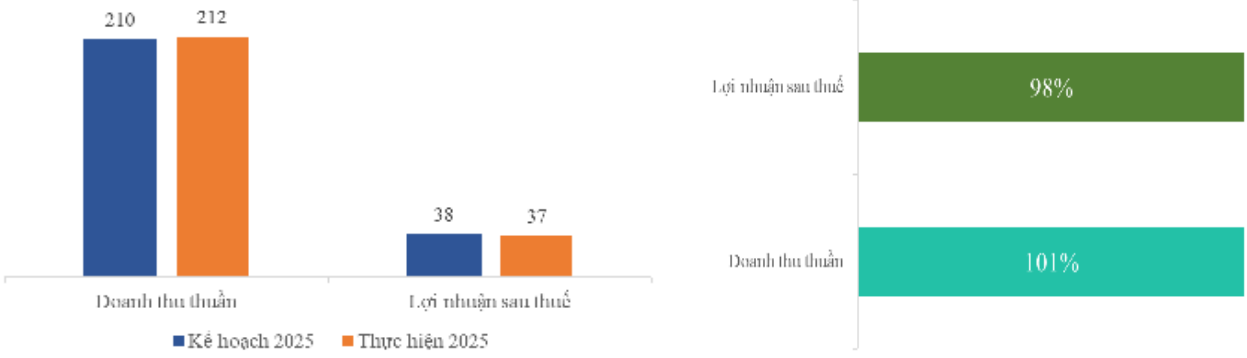

b) Các sản phẩm chủ lực với nhãn hiệu Faith, Suối Mơ tiếp tục là các nhãn hiệu ổn định, tăng trưởng của Công ty.

c) Các chỉ tiêu tài chính cụ thể:

❖ **Doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm:**

Bảng 1: Doanh thu thuần qua các năm

ĐVT: tỷ VND

	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng	244	99,6%	227	99,6%	211	99,5%
Doanh thu khác	1	0,4%	1	0,4%	1	0,5%
Tổng cộng	**245**	**100,0%**	**228**	**100,0%**	**212**	**100,0%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và 2025 của Công ty CP Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng 2: Lợi nhuận gộp qua các năm

ĐVT: tỷ VND

	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Lợi nhuận gộp bán hàng	60,7	25%	55,4	24%	53,4	25%
Lợi nhuận gộp khác	0,3	0%	(0,1)	0%	0,4	0%
Tổng cộng	**61,0**	**25%**	**55,3**	**24%**	**53,8**	**25%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và 2025 của Công ty CP Nước khoáng Quảng Ninh

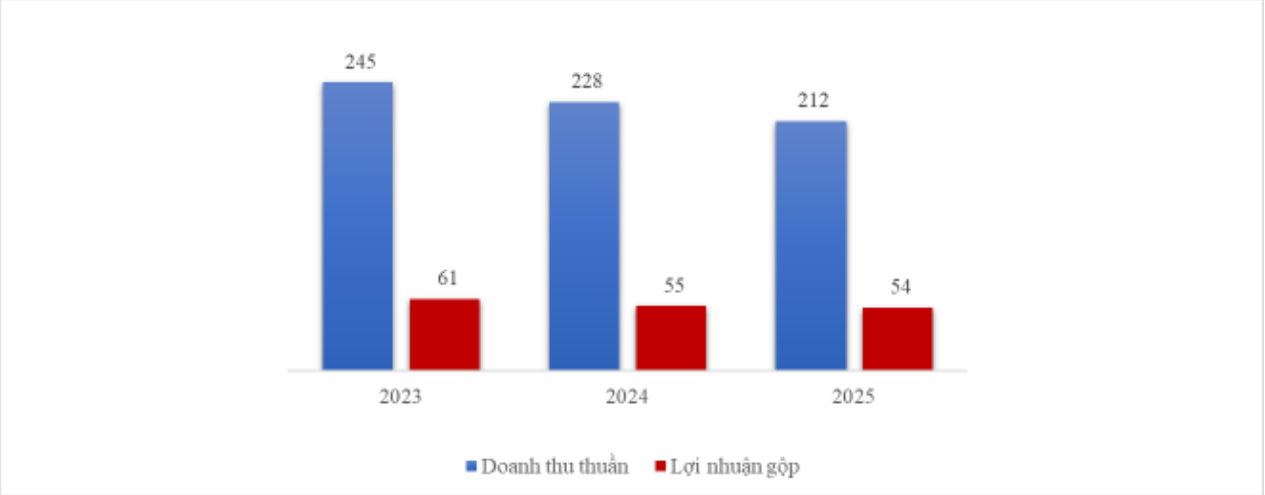

Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp từ năm 2023 đến năm 2025 của Công ty

Bảng 3: Các chỉ tiêu tài chính khác

Đơn vị tính: Tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	278	305	324	6%
Vốn chủ sở hữu	245	272	300	10%
Doanh thu thuần	245	228	212	-7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52	46	47	2%
Kết quả từ các hoạt động khác	0,4	0,1	0,0	-81%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53	46	47	2%
Lợi nhuận sau thuế	42,2	36,8	37,4	2%
Giá trị sổ sách 1 cổ phần (Vốn chủ sở hữu/cổ phần đang lưu hành)_VND/cổ phần	30.732	34.147	37.632	10%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	17%	16%	18%	2%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và 2025 của Công ty CP Nước khoáng Quảng Ninh

2. Tổ chức và nhân sự:

a) Ban điều hành: Ban điều hành Công ty tính đến thời điểm 31/12/2025 bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1.	Ông Nguyễn Hữu Chính	Tổng Giám đốc	17/7/2024
2.	Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	20/4/2016
3.	Bà Phạm Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	26/12/2015

b) Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành:

Ông Nguyễn Hữu Chính – Tổng Giám đốc:

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 09/3/1966.
- Trình độ: Cử nhân kinh tế ngành Kinh tế lao động.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0,08%

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

Ông Huỳnh Ngọc Bảo – Phó Tổng Giám đốc

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 29/4/1974
- Trình độ: Kỹ sư chế tạo máy chuyên ngành tự động hóa; thạc sĩ Kỹ thuật công nghiệp và sản xuất, chuyên ngành Quản lý chuỗi cung ứng.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0%

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

Bà Phạm Thị Thu Hương – Kế toán trưởng

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 18/10/1974
- Trình độ: Cử nhân khoa học ngành tin học, Cử nhân kinh tế ngành Kế toán.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0,09%

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

c) Chính sách đối với người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng số cán bộ công nhân viên chính thức của Công ty là 139 người, bao gồm 74 nam; 65 nữ.
- Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: không quá 08 giờ trong 01 ngày, 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).
- Công ty luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật như: nghỉ phép, ốm đau, thai sản, hưu trí, trợ cấp thôi việc, ...

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Để đáp ứng nhu cầu nhân sự tùy từng thời điểm, Công ty sẽ tuyển dụng các vị trí nhân sự cần thiết còn thiếu hoặc theo yêu cầu của kế hoạch sản xuất, ưu tiên lấy nguồn nhân sự nội bộ (đề bạt) trước khi tuyển bên ngoài.
- Công ty luôn hướng đến việc đào tạo chuyên môn cho tất cả nhân viên bằng nhiều hình thức như nhân viên tự học, tự nâng cao tay nghề, đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để đảm bảo mỗi nhân viên đều giỏi chuyên môn và có thể thay thế hoặc làm việc ở nhiều vị trí công việc khác nhau cùng lúc. Trong các năm gần đây, Công ty thực hiện chương trình tuyển dụng các kỹ sư trẻ nhằm tạo nguồn nhân lực giỏi kế thừa trong tương lai.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi ưu đãi

- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cạnh tranh đảm bảo giữ được người tài và thu hút được nhân sự. Việc điều chỉnh lương được Công ty xem xét định kỳ hàng năm và theo từng trường hợp cụ thể căn cứ theo năng lực làm việc, thành tích đóng góp của cán bộ công nhân viên và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mua thêm Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả người lao động. Ngoài ra đối với cán bộ nhân viên cấp chuyên viên trở lên, Công ty mua thêm Bảo hiểm sức khỏe nhằm chăm sóc sức khỏe nhân viên tốt hơn. Mỗi năm, Công ty đều tổ chức tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất một lần, khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật, các chế độ thăm viếng, hiếu hỉ, các sự kiện khác diễn ra trong đời sống của cán bộ công nhân viên như: kết hôn, thai sản, sinh nhật, ốm đau,…



- Về an toàn lao động: khi làm việc tại Công ty, người lao động được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh nơi làm việc, môi trường tốt để làm việc. Công ty thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ người lao động về an toàn lao động khi mới chính thức gia nhập Công ty và trong suốt quá trình làm việc. Trong năm 2025, bộ phận An toàn - Sức khỏe- Môi trường ("SHE") đã tổ chức huấn luyện đầy đủ các lớp về an toàn lao động cần thiết và theo quy định pháp luật cho tất cả người lao động làm việc tại Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2025 không phát sinh các dự án trọng yếu hoặc các khoản đầu tư lớn.

4. Tình hình tài chính

❖ Tình hình công nợ:

Bảng 5: Các khoản phải thu

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	**60.211.477.063**	**33.006.625.619**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	55.191.732.986	29.509.888.461
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.235.453.666	3.026.860.445
Phải thu ngắn hạn khác	1.784.290.411	469.876.713

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và 2025 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng 6: Các khoản phải trả

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
Nợ ngắn hạn	**26.586.792.072**	**19.273.990.824**
Phải trả người bán ngắn hạn	16.800.689.326	11.459.117.089
Thuế phải nộp Nhà nước	3.698.879.677	3.015.752.614
Chi phí phải trả	5.716.743.129	4.565.895.661
Phải trả ngắn hạn khác	235.579.940	98.325.460
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	134.900.000	134.900.000
Nợ dài hạn	**5.941.915.751**	**4.149.659.750**
Phải trả người bán dài hạn	1.385.910.000	-
Dự phòng phải trả dài hạn	4.556.005.751	4.149.659.750
Tổng cộng	**32.528.707.823**	**23.423.650.574**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và 2025 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	10,26	14,94
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	9,94	14,40
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
- Tỷ số nợ/Tổng tài sản	%	10,67	7,24
- Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,94	7,80
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	20,81	16,81
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,78	0,67
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,13	17,63
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,23	13,05
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	12,63	11,89
- Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	20,16	22,09

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và 2025 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng 8: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2025

Đơn vị: VND

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	**TSCĐ hữu hình**	**77.953.143.874**	**19.981.320.980**	**25,63%**
1	Nhà cửa vật kiến trúc	32.739.630.575	5.263.344.256	16,08%
2	Máy móc thiết bị	42.256.995.309	14.436.520.339	34,16%
3	Phương tiện vận chuyển	2.926.154.354	281.456.385	9,62%
4	Thiết bị văn phòng	30.363.636	-	0,00%
II	**TSCĐ vô hình**	**17.982.540.798**	**3.872.616.049**	**21,54%**
1	Quyền khai thác	16.860.293.000	3.872.616.049	22,97%
2	Phần mềm máy vi tính	1.122.247.798	-	0,00%
	Tổng cộng	**95.935.684.672**	**23.853.937.029**	**24,86%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

1.	Tổng số lượng cổ phiếu	8.000.000
2.	Loại cổ phiếu	Cổ phần phổ thông
3.	Mã cổ phiếu	QHW
4.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần

5.	Tổng giá trị theo mệnh giá	80.000.000.000 đồng
6.	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	7.979.400
7.	Số lượng cổ phiếu quỹ	20.600

b) Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần đang lưu hành của Công ty:

STT	Tên cổ đông	GCNĐKDN/QĐ thành lập	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
01	Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage	0312797567	Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh	5.254.100	65,85%
02	Tỉnh ủy Quảng Ninh	65-QĐ/TU	Số 73 Nguyễn Văn Cừ - Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	1.152.900	14,45%
		Tổng cộng		**6.407.000**	**80,3%**

c) Cổ đông sáng lập: Không có.

d) Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
I	**Cổ đông trong nước**	**415**	**7.956.700**	99,45%
1	Cá nhân	410	1.309.500	
2	Tổ chức	5	6.647.200	
II	**Cổ đông nước ngoài**	**4**	**22.700**	0,55%
1	Cá nhân	3	2.800	
2	Tổ chức	1	19.900	
	Tổng cộng	**419**	**7.979.400**	

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh chốt tại ngày 25/9/2025

e) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2025*:* không phát sinh.

f) Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2025*:* không phát sinh.

g) Các chứng khoán khác*:* không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:



Bên cạnh mục đích sản xuất, Công ty luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên ưu tiên hàng đầu. Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam.

Ngày 20/12/2023, Tập đoàn Masan chính thức thành lập Ủy ban ESG (Environment – Social – Corporate Governance: Ủy ban Môi trường, Xã hội và Quản trị), tiên phong đưa ESG vào chiến lược phát triển kinh doanh để tăng trưởng bền vững áp dụng cho tất cả các Công ty thành viên trong đó có Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh với yêu cầu cao về việc quan tâm môi trường và cộng đồng.

a. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp (scop 1&2):1.030,74 tCO2e
- Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:
  - Sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Việc sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo nằm trong định mức mà Tổng Giám đốc đã đề ra. Mỗi dây chuyền sản xuất được thường xuyên theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng nhằm phát hiện và điều chỉnh kịp thời việc sử dụng không hợp lý.
  - Công ty đã được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018; chứng nhận hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHS 828493; duy trì hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2018, kiểm kê khí nhà kính theo ISO 14064-1:2018.
  - Kiểm soát nghiêm ngặt và thực hiện quan trắc nguồn khí thải phát ra từ hoạt động sản xuất của Công ty đạt tiêu chuẩn theo luật định.
  - Sử dụng các máy móc, thiết bị với công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa các nguồn phát thải trong quá trình sản xuất.
  - Bố trí máy móc, thiết bị hợp lý và thường xuyên bảo trì thiết bị, tránh tình trạng hoạt động quá tải của thiết bị gây ảnh hưởng đến môi trường.
  - Nhà xưởng, các khu vực sản xuất, sân đường nội bộ luôn được vệ sinh quét dọn thường xuyên.
  - Lắp đặt các quạt công nghiệp, quạt thông gió tại khu vực sản xuất, tạo sự thông thoáng trong nhà xưởng.
  - Các phương tiện giao thông ra vào Công ty phải giảm tốc độ và đậu đúng vị trí quy định. Khi bốc dỡ hàng hóa, yêu cầu lái xe phải tắt máy xe, sau khi bốc dỡ các loại vật liệu xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

b. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm trong năm 2025: 3.583 tấn.
- Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được đáp ứng theo tiêu chuẩn của Công ty. Các nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất đều được Phòng Quản lý chất lượng của Công ty kiểm tra, thẩm định chất lượng. Trong quá trình sản xuất, nguyên vật liệu được kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các bộ phận sản xuất, cung ứng thông qua các báo cáo hàng ngày, hàng tuần như báo cáo nhập xuất tồn nguyên liệu, tiêu hao so với định mức, cân đối nguyên liệu sản xuất – thành phẩm nhằm đảm bảo sử dụng tiết kiệm, không thất thoát.

c. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 7.832.626 MJ/năm.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty thực hiện ứng dụng các đề tài, sáng kiến cải tiến để tiết kiệm năng lượng.
- Công ty luôn đề cao và yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm điện và nước trong sinh hoạt và sản xuất.

d. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước sạch (để sinh hoạt) và nguồn nước khoáng, nước khai thác dưới đất (để sản xuất). Tổng lượng nước sử dụng là 70.098 m3.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 8.306 m^3, tỷ lệ 12%.

e. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

f. Chính sách liên quan đến người lao động: đã trình bày tại mục 2.II.

g. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện hoạt động ủng hộ nhân dịp Tết Nguyên đán đến các tổ chức, cơ sở bảo trợ xã hội và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn, với tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025

- Năm 2025, Công ty triển khai các dự án đầu tư, lắp đặt mới máy móc, thiết bị nhằm nâng cao công suất sản xuất, bao gồm:
  - Từ tháng 4/2025, Công ty đã tiếp nhận, đưa vào vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống dây chuyền tự động sản xuất bình 20L tại nhà máy Suối Mơ (công suất khoảng 1000 bình/giờ) góp phần nâng cao hiệu suất, tiết kiệm điện, nước, giảm manhour[1] từ 2,1 xuống còn 1,05 giờ/K.lít, với OEE[2] duy trì trên 80%.

[1] thời gian lao động trực tiếp để sản xuất một đơn vị sản phẩm
[2] hiệu suất thiết bị tổng thể

- Công ty đồng thời lắp đặt hệ thống giám sát và quản lý năng lượng, cùng hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy Quang Hanh nhằm tối ưu tiêu thụ năng lượng, bảo đảm an toàn lao động, giảm phát thải và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.
- Tháng 9/2025, Công ty đầu tư lắp đặt hệ thống giám sát soi chai, quản lý dữ liệu thành phẩm bằng camera, cùng dây chuyền đóng block/chai và đóng thùng carton tự động tại Nhà máy Quang Hanh, qua đó nâng cao năng suất lao động, giảm nhu cầu lao động thuê ngoài và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực kỹ thuật. Hệ thống hiện đang trong giai đoạn tiếp nhận và chuyển giao vận hành.

- Công ty chủ động bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có nhằm đảm bảo nguồn cung hàng hóa cho thị trường và kiểm soát chi phí sản xuất..
- Tập thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty duy trì tinh thần đoàn kết, chủ động khắc phục khó khăn, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; đồng thời không ngừng cải tiến, tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 đạt được như sau:**
  - Doanh thu thuần: 212 tỷ đồng, bằng 93% so với năm 2024 và đạt 101% so với kế hoạch năm 2025 (mức thấp).
  - Lợi nhuận sau thuế: 37 tỷ đồng, bằng 102% so với năm 2024 và đạt 98% so với kế hoạch năm 2025 (mức thấp).
  - Sản lượng tiêu thụ: 46,9 triệu lít, bằng 94% so với năm 2024.

2. Hoạt động của Ban điều hành năm 2025

- Ban điều hành đã tập trung tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các quy định, yêu cầu khác của Tập Đoàn, Khối sản xuất của Tập đoàn.
- Chỉ đạo các phòng ban, phân xưởng sản xuất thực hiện tốt kế hoạch sản xuất được giao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện các dự án đầu tư, sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị, nhà xưởng theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2026

Trong năm 2026, Công ty định hướng tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua việc cải thiện năng suất lao động, tối ưu chi phí đầu vào và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư đã được phê duyệt. Các giải pháp trọng tâm bao gồm:

- Rà soát, tổ chức lại hoạt động sản xuất theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu suất vận hành và tối ưu việc sử dụng nguồn lực tại từng nhà máy.
- Xây dựng và triển khai chiến lược sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; tiếp tục đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị theo hướng hiện đại, thân thiện môi trường nhằm giảm thiểu phát thải trong quá trình sản xuất.
- Xây dựng kế hoạch và áp dụng các giải pháp cụ thể tại từng nhà máy để kiểm soát, cắt giảm tiêu hao năng lượng và phát thải khí nhà kính trong năm 2026.
- Gắn kết chặt chẽ việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch với hệ thống KPIs, đảm bảo các phòng ban, phân xưởng chủ động triển khai và chịu trách nhiệm đối với kết quả thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh, duy trì chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thúc đẩy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2025

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2025 vẫn còn nhiều khó khăn, sức mua phục hồi chậm và chi phí đầu vào duy trì ở mức cao, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt được kết quả tích cực. Theo đó, lợi nhuận sau thuế có sự cải thiện so với cùng kỳ năm 2024, trong khi doanh thu thuần giảm nhẹ so với năm trước nhưng vẫn đạt và vượt nhẹ so với kế hoạch năm 2025 (mức thấp).
- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, môi trường, phòng cháy chữa cháy,… và không xảy ra bất cứ sự cố vi phạm trọng yếu nào.
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:
  - Năm 2025 là một năm sản xuất, kinh doanh khó khăn do giá nguyên liệu tiếp tục tăng cao và thị trường tiêu thụ ngành giải khát cạnh tranh khốc liệt, Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn kịp thời cập nhật, dự báo những khó khăn, vướng mắc kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị; bố trí nguồn nhân lực phù hợp, tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất; chủ động sản xuất hàng hóa đảm bảo ổn định nguồn cung ra thị trường.
  - Hội đồng Quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ, vai trò qua các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị. Các chỉ đạo mà Hội đồng Quản trị đưa ra đều được Ban điều hành triển khai đầy đủ, nhanh chóng, hiệu quả và báo cáo chi tiết kết quả tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Mục tiêu và kế hoạch cần thực hiện trong năm 2026:

- Kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2026 đang được Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cân nhắc dựa trên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các yếu tố tác động của thị trường kinh tế, sẽ được trình bày chi tiết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho Công ty để tăng doanh thu.
- Tiếp tục các giải pháp nhằm nâng cao năng suất lao động; tiết giảm chi phí trong vận hành.
- Tiếp tục đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy,… trong sản xuất và duy trì chiến lược phát triển bền vững.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng Quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

Ngày 11/4/2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua danh sách thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho nhiệm kỳ mới 2025-2030 gồm 06 thành viên, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Thiều Nam – Chức danh: Chủ tịch HĐQT

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1970
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0%

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo;
- Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hướng Dương;
- Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Quản trị Công ty CP Masan High-Tech Materials;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG;
- Chủ tịch Công ty TNHH Masan Master Brewer;
- Chủ tịch Công ty TNHH Masan Brewery MB;
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mobicast;
- Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco;
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Masan;

2. Ông Đàm Sơn – Chức danh: Thành viên Hội đồng Quản trị (không điều hành):

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1959
- Trình độ: Kỹ sư Điện khí hóa XN
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0,04%.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

3. Ông Trần Phương Bắc – Chức danh: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 25/01/1974
- Trình độ: Thạc sĩ Luật
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0%

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty TNHH MNS Meat (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Farm);
- Giám đốc Masan Consumer (Thailand) Limited;
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP thực phẩm Cholimex;
- Chủ tịch Công ty TNHH MNS Farm;

- Chủ tịch Công ty TNHH MNS Meat Processing;
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife;
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce;
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần The CrownX;
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dr. Win;
- Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Zenith Investment;
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Masan Agri;
- Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần The Supra;
- Luật sư trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin; Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan.

4. Ông Huỳnh Việt Thăng – Chức danh: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 14/08/1973
- Trình độ: Đại học
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0%

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
- Thành viên HĐQT đồng thời là Chủ tịch UBKT Công ty Cổ phần Bột giặt NET;
- Thành viên HĐQT đồng thời là Chủ tịch UBKT Công ty Cổ phần Masan MEATLife;

5. Ông Trần Tuấn Cường – Chức danh: Thành viên Hội đồng Quản trị (không điều hành):

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 08/10/1974
- Trình độ: Đại học
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0%

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

6. Ông Lê Đình Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị[3]:

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 22/02/1976
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 14,45% (người đại diện phần vốn góp cho cổ đông Văn phòng Tỉnh ủy Quảng

[3] Từ ngày 05/3/2026, Ông Lê Đình Tuấn đã miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị và Ông Trần Văn Hưng được bổ nhiệm thay thế. Thông tin thay đổi này đã được Công ty công bố thông tin theo quy định và sẽ cập nhật vào Báo cáo quản trị Công ty bán niên năm 2026 sắp tới.

.

Ninh)

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Tổng Giám đốc. Hội đồng Quản trị họp thường kỳ mỗi quý hoặc đột xuất, thông qua quyết định bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 1 phiếu biểu quyết.
- Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:
  - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành việc sản xuất, kinh doanh hàng ngày của Công ty.
  - Phối hợp chặt chẽ Tổng Giám đốc và Ban điều hành để đưa ra định hướng và giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty.
  - Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
  - Phê duyệt các nội dung liên quan để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Chủ tịch và thành viên Ủy ban kiểm toán; ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định hình thức con dấu công ty; chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông đúng thời hạn theo quy định.
- Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, luôn giữ vai trò độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến, quan điểm, kiến nghị. Trong mọi trường hợp, các thành viên đều đã hành động và nêu quan điểm dựa trên lợi ích của Công ty, tất cả cổ đông trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ Công ty.
- Chi tiết thù lao của Hội đồng Quản trị nêu chi tiết tại bảng *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc* dưới đây.
- Năm 2025, không phát sinh giao dịch có liên quan giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Ủy ban kiểm toán:

a) ***Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán***:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ cổ phần sở hữu	Ghi chú
1.	Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch	0%	**0%**
2.	Ông Lê Đình Tuấn[4]	Thành viên	14,45%	Là người đại diện phần vốn góp cho cổ đông Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh (14,45%)

[4] Từ ngày 05/3/2026, Ông Trần Văn Hưng được bổ nhiệm chức danh Thành viên Ủy ban kiểm toán thay thế Ông Lê Đình Tuấn. Thông tin thay đổi này đã được Công ty công bố thông tin theo quy định và sẽ cập nhật vào Báo cáo quản trị Công ty bán niên năm 2026 sắp tới.

b) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán:

- Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết.
- Ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát các vấn đề và xem xét trọng yếu của báo cáo tài chính năm của Công ty để đảm bảo tính trung thực của Báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, rà soát các giao dịch của bên có quyền lợi liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông hoặc giao dịch của người có thể gây xung đột lợi ích.
- Bên cạnh đó, Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán. Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi trình Hội đồng Quản trị chấp thuận. Tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập. Thông qua 02 cuộc họp định kỳ trong năm, Ủy ban kiểm toán đã thống nhất và phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền.
- Về hoạt động của Hội đồng Quản trị: Các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng Quản trị được ban hành phù hợp thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, nội dung Nghị quyết, Quyết định tuân thủ Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, quy định của Pháp luật và kịp thời đáp ứng hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Về hoạt động của Ban điều hành: Ủy ban kiểm toán đánh giá Ban điều hành đã thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, Nghị quyết, Quyết định Hội đồng Quản trị và các quy định khác của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc:

a) Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Uỷ ban kiểm toán và Ban Giám đốc trong năm 2025 như sau:

STT	Thành viên	Chức danh	Mức thù lao (đồng)
I. Hội đồng Quản trị:			
1.	Ông Nguyễn Thiều Nam	Chủ tịch	0
2.	Ông Đàm Sơn	Thành viên	240.000.000
3.	Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên	0
4.	Ông Trần Tuấn Cường	Thành viên	0
5.	Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	0
6.	Ông Lê Đình Tuấn	Thành viên	240.000.000
		Tổng cộng (I):	***480.000.000***

II. Ủy ban kiểm toán:			
1.	Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch	0
2.	Ông Lê Đình Tuấn	Thành viên	0
		Tổng cộng (II):	***0***
III. Tổng Giám đốc			
1.	Ông Nguyễn Hữu Chính	Tổng Giám đốc	1.009.927.708
		Tổng cộng (III):	***1.009.927.708***

Ghi chú: Các thành viên Hội đồng Quản trị gồm Ông Nguyễn Thiều Nam, Ông Huỳnh Việt Thăng, Ông Trần Tuấn Cường, Ông Trần Phương Bắc không nhận thù lao hoạt động.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không phát sinh trong năm 2025.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND)
1.	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Người có liên quan của người nội bộ	0302017440, do Sở Tài Chính Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/2000	Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh	Bán hàng hóa và dịch vụ: 211.739.972.476 Mua hàng hóa: 36.735.145
2.	Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution	Người có liên quan của người nội bộ	0313132445, do Sở Tài Chính Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 09/02/2015	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua hàng hóa: 53.280.000 đồng
3.	Công ty Cổ phần Mobicast	Người có liên quan của người nội bộ	0107591436, do Sở Tài Chính TP. Hà Nội cấp ngày 07/10/2015	Tầng 4, Tòa nhà Trung tâm Quốc tế, 17 Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Mua dịch vụ: 39.728.124
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Người có liên quan của người nội bộ	0104918404, do Sở Tài Chính Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 20/9/2010	Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua hàng hóa: 7.254.136

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty duy trì việc đáp ứng và thực hiện các quy định về quản trị công ty theo quy định pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán:

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	5700379618	ngày 1 tháng 9 năm 2004
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh được cấp bởi Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ninh.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thiều Nam	Chủ tịch
	Ông Đàm Sơn	Thành viên
	Ông Trần Phương Bắc	Thành viên
	Ông Trần Tuấn Cường	Thành viên
	Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên
	Ông Lê Đình Tuấn	Thành viên
Ủy ban Kiểm toán	Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch
	Ông Lê Đình Tuấn	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hữu Chính	Tổng Giám đốc
	Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Tổ 3A, Khu 4, Phố Suối Mơ Phường Bãi Cháy Tỉnh Quảng Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

Tỉnh Quảng Ninh, ngày 24 tháng 2 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-01-01420-26-1



Trương Vinh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**287.875.110.677**	**272.711.003.883**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**64.100.537.658**	**106.034.570.914**
Tiền	111		1.100.537.658	534.570.914
Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	105.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**180.000.000.000**	**97.500.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	180.000.000.000	97.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**33.006.625.619**	**60.211.477.063**
Phải thu của khách hàng	131	6	29.509.888.461	55.191.732.986
Trả trước cho người bán	132		3.026.860.445	3.235.453.666
Phải thu ngắn hạn khác	136		469.876.713	1.784.290.411
Hàng tồn kho	**140**	**7**	**10.260.900.377**	**8.566.864.918**
Hàng tồn kho	141		10.260.900.377	8.598.859.290
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(31.994.372)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**507.047.023**	**398.090.988**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		507.047.023	373.277.299
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	24.813.689
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	**200**		**35.828.816.356**	**32.292.155.521**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**812.717.000**	**812.717.000**
Phải thu dài hạn khác	216		812.717.000	812.717.000
Tài sản cố định	**220**		**23.853.937.029**	**20.043.945.231**
Tài sản cố định hữu hình	221	8	19.981.320.980	15.517.104.594
Nguyên giá	*222*		*77.953.143.874*	*70.696.839.811*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(57.971.822.894)*	*(55.179.735.217)*
Tài sản cố định vô hình	227	9	3.872.616.049	4.526.840.637
Nguyên giá	*228*		*17.982.540.798*	*18.054.278.798*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(14.109.924.749)*	*(13.527.438.161)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**6.020.031.052**	**3.503.600.000**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	6.020.031.052	3.503.600.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.142.131.275**	**7.931.893.290**
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.709.157.883	7.184.689.702
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	432.973.392	747.203.588
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**323.703.927.033**	**305.003.159.404**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**23.423.650.574**	**32.528.707.823**
Nợ ngắn hạn	**310**		**19.273.990.824**	**26.586.792.072**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		11.459.117.089	16.800.689.326
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	3.015.752.614	3.698.879.677
Chi phí phải trả	315	14	4.565.895.661	5.716.743.129
Phải trả ngắn hạn khác	319		98.325.460	235.579.940
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		134.900.000	134.900.000
Nợ dài hạn	**330**		**4.149.659.750**	**5.941.915.751**
Phải trả người bán dài hạn	331		-	1.385.910.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	15	4.149.659.750	4.556.005.751
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**300.280.276.459**	**272.474.451.581**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**16**	**300.280.276.459**	**272.474.451.581**
Vốn cổ phần	411	17	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	17	176.083.000	176.083.000
Cổ phiếu quỹ	415	17	(247.200.000)	(247.200.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		220.351.393.459	192.545.568.581
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*182.970.288.581*	*155.722.522.106*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	*421b*		*37.381.104.878*	*36.823.046.475*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**323.703.927.033**	**305.003.159.404**

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Phùng Thị Yến	Phạm Thị Thu Hương	Nguyễn Hữu Chính
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*
		Đại diện theo ủy quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**212.002.353.593**	**228.293.562.552**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**21**	**158.241.996.865**	**173.050.028.095**
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	**20**		**53.760.356.728**	**55.243.534.457**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	8.997.167.660	7.891.651.321
Chi phí tài chính	22		64.190.000	98.997.500
Chi phí bán hàng	25		3.700.997.016	3.883.426.025
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	12.159.167.160	13.130.624.717
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**46.833.170.212**	**46.022.137.536**
Thu nhập khác	31		18.817.038	92.746.908
Chi phí khác	32		1.284.922	861.080
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**17.532.116**	**91.885.828**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**46.850.702.328**	**46.114.023.364**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**25**	**9.155.367.254**	**9.229.401.734**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**25**	**314.230.196**	**61.575.155**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**37.381.104.878**	**36.823.046.475**
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	4.685	4.615

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Phùng Thị Yến	Phạm Thị Thu Hương	Nguyễn Hữu Chính
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*
		Đại diện theo ủy quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**46.850.702.328**	**46.114.023.364**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	4.777.344.815	5.030.215.975
Các khoản dự phòng	03	(374.929.686)	(244.491.080)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	5.880.000
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(8.957.854.697)	(7.920.908.821)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**42.295.262.760**	**42.984.719.438**
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	25.854.609.880	(510.804.849)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.725.451.774)	(700.380.694)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(6.406.582.431)	(812.869.511)
Biến động chi phí trả trước	12	3.626.805.687	4.307.780.938
		63.644.644.122	**45.268.445.322**
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.062.184.071)	(9.527.629.088)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(23.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**53.582.460.051**	**35.717.816.234**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(13.794.081.702)	(3.408.605.997)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	52.037.037	90.000.000
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(315.000.000.000)	(317.000.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	232.500.000.000	337.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	10.300.231.358	9.334.985.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(85.941.813.307)**	**26.516.379.536**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả cổ tức	36	(9.574.680.000)	(9.577.188.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(9.574.680.000)**	**(9.577.188.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(41.934.033.256)**	**52.657.007.770**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**106.034.570.914**	**53.377.563.144**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	**70**	**64.100.537.658**	**106.034.570.914**

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Phùng Thị Yến	Phạm Thị Thu Hương	Nguyễn Hữu Chính
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*
		Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn và nước khoáng; khai thác, xử lý và cung cấp nước.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 139 nhân viên (1/1/2025: 158 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền khai thác nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 18 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư tại khu vực thuê mặt bằng. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi từ tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh đồ uống và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	1.100.537.658	534.570.914
Các khoản tương đương tiền	63.000.000.000	105.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	64.100.537.658	106.034.570.914

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – ngắn hạn	180.000.000.000	97.500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	29.509.888.461	55.185.779.941

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.061.738.090	-	5.627.120.823	(31.994.372)
Công cụ và dụng cụ	5.105.327.847	-	2.901.407.974	-
Thành phẩm	93.834.440	-	70.330.493	-
	10.260.900.377	-	8.598.859.290	(31.994.372)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	31.994.372	29.499.432
Dự phòng trích lập trong năm	31.416.315	198.930.169
Dự phòng sử dụng trong năm	(63.410.687)	(196.435.229)
Số dư cuối năm	-	31.994.372

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	32.260.814.435	35.590.430.446	2.815.231.294	30.363.636	70.696.839.811
Tăng trong năm	-	285.058.000	165.000.000	-	450.058.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	510.000.000	7.699.016.613	-	-	8.209.016.613
Thanh lý	(31.183.860)	(1.317.509.750)	-	-	(1.348.693.610)
Xoá sổ	-	-	(54.076.940)	-	(54.076.940)
Số dư cuối năm	32.739.630.575	42.256.995.309	2.926.154.354	30.363.636	77.953.143.874
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	26.659.436.217	25.936.301.416	2.553.633.948	30.363.636	55.179.735.217
Khấu hao trong năm	848.033.962	3.201.683.304	145.140.961	-	4.194.858.227
Thanh lý	(31.183.860)	(1.317.509.750)	-	-	(1.348.693.610)
Xoá sổ	-	-	(54.076.940)	-	(54.076.940)
Số dư cuối năm	27.476.286.319	27.820.474.970	2.644.697.969	30.363.636	57.971.822.894
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5.601.378.218	9.654.129.030	261.597.346	-	15.517.104.594
Số dư cuối năm	5.263.344.256	14.436.520.339	281.456.385	-	19.981.320.980

Trong tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 39.240 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 35.643 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác nước khoáng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	16.932.031.000	1.122.247.798	18.054.278.798
Giảm khác	(71.738.000)	-	(71.738.000)
Số dư cuối năm	16.860.293.000	1.122.247.798	17.982.540.798
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	12.405.190.363	1.122.247.798	13.527.438.161
Khấu hao trong năm	582.486.588	-	582.486.588
Số dư cuối năm	12.987.676.951	1.122.247.798	14.109.924.749
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.526.840.637	-	4.526.840.637
Số dư cuối năm	3.872.616.049	-	3.872.616.049

Trong tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 1.293 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 1.293 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu năm	3.503.600.000
Tăng trong năm	12.010.491.257
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.209.016.613)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.285.043.592)
Số dư cuối năm	6.020.031.052

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Máy móc và thiết bị	6.020.031.052	3.494.400.000
Khác	-	9.200.000
	6.020.031.052	3.503.600.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.965.191.536	3.134.371.157	2.085.127.009	7.184.689.702
Tăng trong năm	-	-	1.251.457.990	1.251.457.990
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.285.043.592	1.285.043.592
Phân bổ trong năm	(224.593.317)	(3.134.371.157)	(1.653.068.927)	(5.012.033.401)
Số dư cuối năm	1.740.598.219	-	2.968.559.664	4.709.157.883

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuần

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả và dự phòng	929.508.436	1.097.401.150
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản cố định	(496.535.044)	(350.197.562)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	432.973.392	747.203.588

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/Hoàn lại VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	16.993.064.653	(5.538.746.423)	(11.267.275.259)	187.042.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.272.016.725	9.155.367.254	(10.062.184.071)	-	2.365.199.908
Thuế thu nhập cá nhân	30.448.888	838.266.085	(724.934.923)	(113.158.382)	30.621.668
Thuế tài nguyên	392.332.154	6.343.935.515	(6.307.598.245)	-	428.669.424
Các loại thuế khác	4.081.910	1.214.481.775	(1.214.345.042)	-	4.218.643
	3.698.879.677	34.545.115.282	(23.847.808.704)	(11.380.433.641)	3.015.752.614

14. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Thưởng và lương tháng 13	3.379.493.813	4.378.140.287
Chi phí khác	1.186.401.848	1.338.602.842
	4.565.895.661	5.716.743.129

15. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động trong năm của dự phòng trợ cấp thôi việc như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	4.556.005.751	4.999.427.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(406.346.001)	(443.421.249)
Số dư cuối năm	4.149.659.750	4.556.005.751

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	165.297.802.106	245.226.685.106
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	36.823.046.475	36.823.046.475
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	192.545.568.581	272.474.451.581
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	37.381.104.878	37.381.104.878
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	220.351.393.459	300.280.276.459

17. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	20.600	247.200.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	7.979.400	79.794.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		176.083.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

18. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 11 tháng 4 năm 2025 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 9.575 triệu VND (2024: 9.575 triệu VND).

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	**1/1/2025**
	VND	**VND**
Trong vòng 1 năm	1.988.100.936	1.885.002.096
Trong vòng 2 đến 5 năm	2.657.018.037	2.191.460.521
Sau 5 năm	1.252.381.211	1.290.817.463
	5.897.500.184	5.367.280.080

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	4.562.570.826	16.175.362.816
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	8.503.505.169	6.968.164.151
	13.066.075.995	23.143.526.967

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và cung cấp dịch vụ	212.002.353.593	228.293.562.552

21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ cung cấp	158.210.580.550	172.851.097.926
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	31.416.315	198.930.169
	158.241.996.865	173.050.028.095

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.905.817.660	7.830.908.821
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	91.350.000	60.742.500
	8.997.167.660	7.891.651.321

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	6.803.727.376	7.573.989.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	252.338.719	252.338.719
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	151.634.516	186.360.567
Chi phí khác	4.951.466.549	5.117.936.286
	12.159.167.160	13.130.624.717

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	114.745.002.985	129.070.025.681
Chi phí nhân viên	32.918.571.872	35.073.794.962
Chi phí khấu hao	4.777.344.815	5.030.215.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.008.136.483	12.516.878.049
Chi phí khác	8.653.104.886	8.373.164.170

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	9.155.367.254	9.229.401.734
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	314.230.196	61.575.155
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.469.597.450	9.290.976.889

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	46.850.702.328	46.114.023.364
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.370.140.466	9.222.804.673
Chi phí không được khấu trừ thuế	99.456.984	68.172.216
	9.469.597.450	9.290.976.889

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên thu nhập chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền đánh thuế, phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các quy định về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng (nếu có) có thể là đáng kể.

26. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	37.381.104.878	36.823.046.475

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2025 Cổ phiếu	2024 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm	7.979.400	7.979.400

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND/cổ phiếu	2024 VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.685	4.615

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025	**2024**
	VND	**VND**
Công ty mẹ của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	211.739.972.476	227.983.745.422
Mua hàng hóa	36.735.145	107.519.655
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage		
Cổ tức	6.304.920.000	6.304.920.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Industrial		
Phí hỗ trợ quản lý	197.331.052	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo		
Bán hàng hóa	-	2.963.611
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	235.845.630
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	7.254.136	1.002.908
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	39.728.124	44.894.127
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa		
Bán hàng hóa	-	189.190.674
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	53.280.000	32.580.000
Thành viên quản lý chủ chốt		
Thù lao	1.489.927.708	2.678.258.347

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, phí, lương và thưởng đã chi trả của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán, và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2025 VND	2024 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Thiều Nam	Chủ tịch	-	-
Ông Đàm Sơn	Thành viên	240.000.000	100.000.000
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	-	-
Ông Trần Tuấn Cường	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên	-	-
Ông Lê Đình Tuấn	Thành viên (từ ngày 5 tháng 4 năm 2024)	240.000.000	180.000.000
Ông Dương Mạnh Cường	Thành viên (đến ngày 4 tháng 4 năm 2024)	-	60.000.000
Ủy ban Kiểm toán			
Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch	-	-
Ông Lê Đình Tuấn	Thành viên (từ ngày 5 tháng 4 năm 2024)	-	-
Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Hữu Chính	Tổng Giám đốc (từ ngày 17 tháng 7 năm 2024)	1.009.927.708	1.190.192.635
Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 7 năm 2024)	-	904.593.328

28. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Phùng Thị Yến	Phạm Thị Thu Hương	Nguyễn Hữu Chính
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*
		Đại diện theo ủy quyền

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/*Legal representative/*



NGUYỄN THIỀU NAM